TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 437/2026/DS-PT
Ngày: 30-7-2026
V/v: "Tranh chấp đất đai"

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Lê Phương và bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Vi Thị Yến - Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Mai Chăm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 269/2026/TLPT-DS, ngày 07/5/2026 về việc "Tranh chấp đất đai", do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2026/DS-ST ngày 05/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 14, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 461/2026/QĐ-PT ngày 01 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Kim Y, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, Phường A, tỉnh Gia Lai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đinh Văn T – Luật sư của Công ty L1, thuộc đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Á, sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã C, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Đoàn Việt T1, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: A Ấp A, đường Q, xã B, thành phố Hồ Chí Minh

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện của Ủy ban nhân dân xã V: Ông Nguyễn Thanh S - Phó trưởng Phòng Kinh tế Ủy ban nhân dân xã V (có mặt).

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Xuân D, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã C, tỉnh Khánh Hòa.

2. Ông Trần Đức H, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã C, tỉnh Khánh Hòa

3. Ông Nguyễn Công L, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn V, xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Võ Thị Kim Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Kim Y trình bày:* Khoảng năm 2001, khi xuất gia và quá trình tu hành thì nguyên đơn có đến tại chùa L2, thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận tu tập. Tại đây, qua sự giới thiệu của ông Lê Thắng Đ (ông Đ là trưởng thôn L, xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận cũ) nguyên đơn có nhận chuyển nhượng (mua đất) của ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Xuân D phần đất nông nghiệp có diện tích 2.160m^2 (chiều ngang 18 m x chiều dài 120 m) đất tọa lạc tại thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận cũ. Việc mua bán đất có làm giấy tờ tay là *"Giấy sang nhượng đất"* ngày 04 tháng 12 năm 2004, có ký xác nhận giữa các bên mua bán đất.

Theo *"Giấy sang nhượng đất"* ngày 04 tháng 12 năm 2004 giữa nguyên đơn và bên bán đất (là ông N và ông D) không thể hiện vị trí đất chuyển nhượng nằm ở địa điểm, tục danh nào cụ thể, nhưng có thể hiện tứ cận sau: Đông: giáp đất trống; Tây: giáp đất trống; Nam: giáp đường ray xe lửa và B: giáp đất nghĩa trang.

Khi mua mảnh đất này, bà có tìm hiểu và biết được phần đất mà ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Xuân D chuyển nhượng cho bà chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi mua đất, bà đã tiến hành đóng trụ bê tông xung quanh hết phần đất mua để làm ranh giới, trên phần đất này bà không sử dụng, không trồng trọt chăn nuôi gì trên đất. Sau đó, cũng trong năm 2004, bà trở về tu hành tại Chùa B1, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định cũ (nay là tổ dân phố T, phường A, tỉnh Gia Lai). Cứ cách 02 năm thì bà vào thăm đất, thuê người dọn dẹp, xây dựng rào bê tông. Năm 2016 bà quay trở lại phần diện tích đất nêu trên tiến hành đặt tượng phật trên đất.

Đến năm 2022, bà phát hiện bà Huỳnh Thị Á vào phần đất nêu trên phá hàng rào của bà xây dựng. Bà Á kéo lưới B40 rào quanh đất và chiếm hết toàn bộ phần đất của bà nên bà đã tháo dỡ vật tư và đem đến Uỷ ban nhân xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận (cũ) trình báo sự việc bà Á chiếm đất của bà. Tuy nhiên, sau đó bà Á không dừng lại mà vẫn tiếp tục chiếm đất sử dụng, xây dựng nhà ở trên đất mà bà đã mua trước đây.

Từ khi bà nhận chuyển nhượng đất cho đến nay thì bà không đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cũng không nộp thuế đất.

Nay bà yêu cầu bà Huỳnh Thị Á phải trả lại diện tích đất tranh chấp theo thẩm định đo đạc thực tế là 2.292,5m^2, đất tọa lạc tại thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là thôn V, xã V, tỉnh Lâm Đồng). Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Huỳnh Thị Á và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Phía bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim Y vì diện tích đất mà bà Võ Thị Kim Y tranh chấp có nguồn gốc do gia đình bị đơn khai hoang từ năm 1988. Sau khi khai hoang, gia đình bị đơn có trồng một một số loại cây trên đất nhưng do không có nguồn nước tưới (vì phụ thuộc vào nước tự nhiên) nên cây cối chết dần, thời gian sau đó gia đình bị đơn cũng không canh tác liên tục trên đất trong một thời gian dài. Tuy nhiên nhằm để xác định rõ ranh đất giữa gia đình bà Á với các đất khác nên gia đình bà có làm rào ranh giữ đất bằng các trụ bê tông.

Năm 2000 bà Á có xây dựng căn nhà tạm diện tích khoảng 67,2m^2 trên phần đất này và trồng một số loại cây, dựng tạm một chuồng gà trên đất. Đến năm 2022 thì bà Võ Thị Kim Y mới đến tranh chấp.

Quá trình giải quyết vụ án thì phía bị đơn đã rút toàn bộ yêu cầu phản tố về việc yêu cầu công nhận diện tích đất 2.160m^2 đất (chiều ngang 18 m x chiều dài 120 m) đất tranh chấp cho bị đơn và yêu cầu bà Y phải bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần, danh dự, uy tín bị xâm phạm với số tiền 18.000.000đồng (mười tám triệu đồng).

- Tại Công văn số 133/UBND ngày 29/7/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có nghĩa vụ quyền lợi liên quan Ủy ban nhân dân xã V có ý kiến như sau:

Qua kết quả kiểm tra, xác minh (hồ sơ hòa giải tranh chấp đất đai tại xã V vào năm 2022) và các thông tin liên quan về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, thửa đất đang tranh chấp giữa bà Võ Thị Kim Y với bà Huỳnh Thị Á, như sau: Phần đất tranh chấp với diện tích 2.292,5m^2 có nguồn gốc là đất trống không có ai sử dụng (trên đất toàn đồi đá và cây bụi, bỏ hoang hóa), khoảng tháng 9 năm 2022 thì gia đình bà Huỳnh Thị Á có tới phát dọn trồng cây Dừa, rào một phần ranh đất.

Đối chiếu Bản đồ 299, sổ mục kê và bản đồ đo đạc đất đai theo dự án tổng thể 920 xã V cũ, thửa đất tranh chấp trên từ trước đến nay chưa được đo đạc bản đồ và quy chủ cho ai, không ai kê khai, đăng ký và thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất nêu trên.

Diện tích đất tranh chấp nêu trên không có đủ căn cứ pháp lý để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, cá nhân nào.

- *Người làm chứng ông Nguyễn Xuân D trình bày:* Ông không có bán đất cho bà Võ Thị Kim Y như lời bà Y trình bày. Ông còn nhớ cách đây khoảng thời gian khá lâu, khi đó ông đang buôn bán nước thì có vài người vào quán nước ông trong số đó có bà Y. Những người này đưa cho ông tờ giấy kêu ông ký tên ông vô nên ông có ký chứ ông không có bán đất nào cho bà Y.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2026/DS-ST ngày 05/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 14, tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:

Áp dụng: Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 236 Luật Đất đai 2024; Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim Y đối với bà Huỳnh Thị Á về việc buộc bà Huỳnh Thị Á phải trả diện tích 2.292,5m^2 đất tọa lạc tại thôn V, xã V, tỉnh Lâm Đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị Á về việc: Yêu cầu công nhận diện tích đất 2.160m^2 đất (chiều ngang 18 m x chiều dài 120 m) đất tọa lạc tại thôn V, xã V, tỉnh Lâm Đồng; Yêu cầu bà Võ Thị Kim Y phải bồi thường cho bị đơn số tiền thiệt hại về tổn thất tinh thần, danh dự, uy tín bị xâm phạm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/02/2026, nguyên đơn bà Võ Thị Kim Y kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

- Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm thấy rằng không có căn cứ xác định quyền sử dụng đất hợp pháp của nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, bà Võ Thị Kim Y không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị Kim Y, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 07/2026/DS-ST ngày 05/02/2026 của TAND khu vực 14 – Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người làm chứng ông Nguyễn Xuân D vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình xét xử sơ thẩm. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thời hạn hạn cáo: Bà Võ Thị Kim Y làm đơn kháng cáo là trong thời hạn và đúng quy định pháp luật nên vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và pháp luật được áp dụng giải quyết vụ án: Xét nội dung đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định mối quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án là phù hợp với quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[2.1]. Về nguồn gốc, quá trình canh tác, sử dụng diện tích đất tranh chấp: Quá trình giải quyết vụ án thì các đương sự trình bày không thống nhất với nhau, cụ thể.

Theo nguyên đơn trình bày thì toàn bộ diện tích đất tranh chấp là do ông N và ông D khai phá và chuyển nhượng clại cho bà vào năm 2004. Để chứng minh cho lời trình bày của mình thì nguyên đơn có xuất trình "Giấy sang nhượng đất" ngày 04/12/2004. Tuy nhiên theo nguyên đơn, khi sang nhượng thì diện tích đất nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và từ khi nhận chuyển nhượng đến nay thì nguyên đơn cũng không kê khai, đăng ký hay nộp thế sử dụng đất và cũng không canh tác, sử dụng nhưng có rào đất bằng trụ bê tông. Thấy rằng lời trình bày của bà Y là không có căn cứ vì bà không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh diện tích đất tranh chấp là do ông N và ông D khai phá.

Theo lời khai của ông Nguyễn Xuân D (là người ký trong giấy sang nhượng đất ngày 04/12/2004) thì ông không bán đất cho bà Y. Tuy nhiên việc ông ký vào giấy là do trước đấy có một số người ngồi ở quán nước (trong đó có bà Y) có đưa cho ông một tờ giấy và kêu ông ký nên ông đã ký nên không có cơ sở, hơn nữa giá

chuyển nhượng được ghi trong giấy chuyển nhượng số tiền 150.000.000đồng là không phù hợp với giá thực tế tại thời điểm chuyển nhượng.

Theo lời trình bày của ông Nguyễn Công L thì trước đây bà Y có thuê ông có trồng trụ bê tông cho bà Y, tuy nhiên ông cũng không biết đất có nguồn gốc như thế nào.

Theo lời trình bày của ông Trần Đức H thì ông không nhớ là năm nào nhưng bà Y có thuê ông cắt cỏ, cắt cây trên đất.

Theo lời trình bày của bị đơn bà Huỳnh Thị Á thì toàn bộ diện tích đất tranh chấp là do gia đình bà khai hoang từ năm 1988 và đã trồng cây trên đất nhưng do không có nước nên cây đã chết và sau đó thì gia đình bà không canh tác nữa, đến năm 2000 thì bà đã xây dựng 01 căn nhà tạm, làm 01 chuồng gà trên đất, đồng thời có trồng một số cây cối.

Tuy nhiên, theo lời trình bày của Ủy ban nhân dân xã V thì phần đất tranh chấp với diện tích 2.292,5m^2 có nguồn gốc là đất trống không có ai sử dụng (trên đất toàn đồi đá và cây bụi, bỏ hoang hóa), khoảng tháng 9 năm 2022 thì gia đình bà Huỳnh Thị Á có tới phát dọn trồng cây Dừa, rào một phần ranh đất. Đối chiếu Bản đồ 299, sổ mục kê và bản đồ đo đạc đất đai theo dự án tổng thể 920 xã V cũ, thửa đất tranh chấp trên từ trước đến nay chưa được đo đạc bản đồ và quy chủ cho ai, không ai kê khai, đăng ký và thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất nêu trên.

Như vậy, việc nguyên đơn đưa ra tài liệu chứng cứ là "Giấy sang nhượng đất" ngày 04/12/2004 nhưng không được bên chuyển nhượng thừa nhận, đồng thời ông Nguyễn Xuân D cũng khẳng định ông không bán đất cho bà Y, do đó tài liệu này chưa đủ cơ sở để xác định đất tranh chấp là do nhận chuyển nhượng. Những người làm chứng khác trình bày là bà Y có thuê làm công trồng trụ, cắt cỏ nhưng không xác định được năm nào và ở đâu nên không có cơ sở, bên cạnh đó bà Y không có bất cứ tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh quá trình canh tác, sử dụng nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà Y. Đối với lời trình bày của bị đơn là không có cơ sở bởi lẽ bị đơn không có bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Hơn nữa cơ quan quản lý đất đai tại địa phương là Ủy ban nhân dân xã V cũng đã xác định diện tích đất tranh chấp là đất trống, chưa quy chủ cho ai, đến năm 2022 thì gia đình bà Á mới tới phát dọn trồng cây Dừa và rào một phần ranh đất.

[2.2]. Do các đương sự không chứng minh được nguồn gốc, quá trình sử dụng nên không có căn cứ để xem xét. Đồng thời tại Công văn số 133/UBND ngày 29/7/2025 của Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Lâm Đồng đã thể hiện Diện tích đất tranh chấp nêu trên không có đủ căn cứ pháp lý để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, cá nhân nào. Vì vậy không có căn cứ để xác định đất thuộc quyền sử dụng của ai.

[2.3]. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn thì trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bị đơn đã tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu phản tố nên cấp sơ thẩm đã đình chỉ là đúng quy định của pháp luật.

[2.4]. Từ những phân tích trên có thể khẳng định nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị Á phải trả lại diện tích đất 2.160m^2 (đo đạc thực tế là 2.292,5m^2), tọa lạc tại thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là thôn V, xã V, tỉnh Lâm Đồng) là không có căn cứ nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng pháp luật. Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm thì nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ nào khác nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn như đề nghị của đại diện viện kiểm sát là phù hợp.

[3] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng và đã nộp đủ.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị Kim Y. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2026/DS-ST ngày 05/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 14, tỉnh Lâm Đồng.

2. Căn cứ: Điều 147, Khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 26, Điều 31, Điều 37 và Điều 236 Luật Đất đai năm 2024;

Khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận toàn yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim Y về việc yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị Á phải trả lại diện tích đất 2.160m^2 (đo đạc thực tế là 2.292,5m^2), tọa lạc tại thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là thôn V, xã V, tỉnh Lâm Đồng).

- Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Huỳnh Thị Á về việc yêu cầu công nhận diện tích đất 2.160m^2 đất tọa lạc tại thôn V, xã V, tỉnh Lâm Đồng và yêu cầu bà

Võ Thị Kim Y phải bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần, danh dự, uy tín bị xâm phạm.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Võ Thị Kim Y phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí đo đạc với số tiền là 5.855.000 đồng, bà Y đã nộp đủ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Kim Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên thu số 0020058 ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực A- Lâm Đồng).

Bà Huỳnh Thị Á thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị Kim Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên thu số 0003677 ngày 09/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Bà Á đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8 và 34 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

6. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 30/7/2026)./.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Hồng Hạnh Nguyễn Lê Phương Nguyễn Anh D1

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND Khu vực 14;
- Phòng THADS khu vực 14;
- Các đương sự;
- Cổng TTĐT-TANDTC
- Lưu: HS; Tòa DS; Tổ HCTP.

Nguyễn Anh Dũng